



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**



**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC  
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ - KHÓA 43  
(ÁP DỤNG CHUẨN ĐẦU RA CDIO)**

**NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH  
VÀ LỮ HÀNH**

**(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 43)**

*Lâm Đồng – 2019*

**DLU DALAT  
UNIVERSITY**

Địa chỉ: 01 Phù Đổng Thiên Vương, Đà Lạt, Lâm Đồng

Điện thoại: (+84)633822246

Fax: (+84)633823380

Email: [info@dlu.edu.vn](mailto:info@dlu.edu.vn)

Website: [www.dlu.edu.vn](http://www.dlu.edu.vn)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**



**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**  
**THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**  
**(ÁP DỤNG CHUẨN ĐẦU RA CDIO)**  
**NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**  
**(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 43)**

*Lâm Đồng - 2019*

## LỜI GIỚI THIỆU

Trường Đại học Đà Lạt là một trường công lập được thành lập theo quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Không gian yên tĩnh trong khuôn viên 40 ha của trường là môi trường thuận lợi cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao về khoa học, công nghệ, kinh tế và xã hội - nhân văn; là trung tâm nghiên cứu khoa học - chuyên giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Trường đang được Đảng và Nhà nước đầu tư xây dựng để trở thành Trường đại học trọng điểm Quốc gia trên địa bàn Tây Nguyên.

Trường Đại học Đà Lạt là trường đại học đầu tiên trong cả nước đào tạo theo hệ thống tín chỉ, năm 2015, tất cả chương trình đào tạo bậc thạc sĩ và đại học đã được xây dựng theo chuẩn đầu ra CDIO với thời gian đào tạo linh hoạt; tùy theo điều kiện của cá nhân, sinh viên có thể chủ động sắp xếp kế hoạch học tập của mình. Thực hiện chủ trương quốc tế hóa, giảng dạy bằng tiếng Anh, các chương trình đào tạo hợp tác với nước ngoài, đổi mới phương pháp giảng dạy trong đó chú trọng đào tạo kiến thức, kỹ năng và thái độ, Nhà trường ưu tiên xét tuyển các thí sinh có trình độ tiếng Anh tốt, đáp ứng yêu cầu dạy và học trong tình hình mới. Tháng 3 năm 2017, Trường Đại học Đà Lạt đã chính thức trở thành thành viên thứ 124 của Hiệp hội CDIO quốc tế và là Trường Đại học thứ 4 của Việt Nam được gia nhập tổ chức này. Tạp chí Khoa học Đại học Đà Lạt là một trong sáu tạp chí khoa học của Việt Nam được chỉ mục trong Hệ thống trích dẫn khoa học các quốc gia Đông Nam Á – ACI. Trường Đại học Đà Lạt là trường đại học công lập của Việt Nam được chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học 2.0 theo quyết định số: 34/QĐ-TTKĐ của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục đại học Quốc gia Tp.HCM ngày 23 tháng 7 năm 2019. Tháng 4/2020, Trường Đại học Đà Lạt chính thức trở thành thành viên liên kết của AUN-QA. Trường Đại học Đà Lạt là thành viên của Nhà Xã hội trí tuệ nhân tạo (AIWS House). Là cơ sở để triển khai đào tạo về Big Data và trí tuệ nhân tạo.

Thành quả lao động của tập thể các nhà khoa học là Bộ chương trình đào tạo 33 chuyên ngành được ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐH ngày .../.../20... của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt. Toàn bộ chương trình đào tạo được Trường công khai để tạo điều kiện cho người học chủ động lên kế hoạch học tập và tự học.

Sự đổi mới toàn diện về hệ thống chương trình đào tạo sẽ là cơ sở để Trường đổi mới toàn diện hệ thống giáo trình, học liệu và phương pháp giảng dạy với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra những “sản phẩm trí tuệ” chất lượng cao, góp phần vào sự nghiệp phát triển của đất nước, xứng đáng là Trường đại học trọng điểm Quốc gia trên địa bàn Tây Nguyên.

## QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học theo học chế tín chỉ  
áp dụng chuẩn đầu ra CDIO

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

*Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đà Lạt;*

*Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18/6/2012; Luật bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19/11/2018;*

*Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.*

*Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đà Lạt ban hành kèm theo Quyết định số 422/QĐ-ĐHDL ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Trường Đại học Đà Lạt;*

*Căn cứ Biên bản của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc thông qua chương trình đào tạo đại học hệ chính quy của 33 ngành đào tạo;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ áp dụng chuẩn đầu ra CDIO gồm **33** ngành đào tạo (*có danh sách kèm theo*).

**Điều 2.** Giao cho Phòng Quản lý Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Khoa xây dựng Kế hoạch giảng dạy hằng năm căn cứ vào Bộ chương trình này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa 43.

**Điều 4.** Các Ông (Bà) Trưởng Khoa, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (*để chỉ đạo*);
- Khoa (*để thực hiện*);
- VT, QLĐT.

#### HIỆU TRƯỞNG

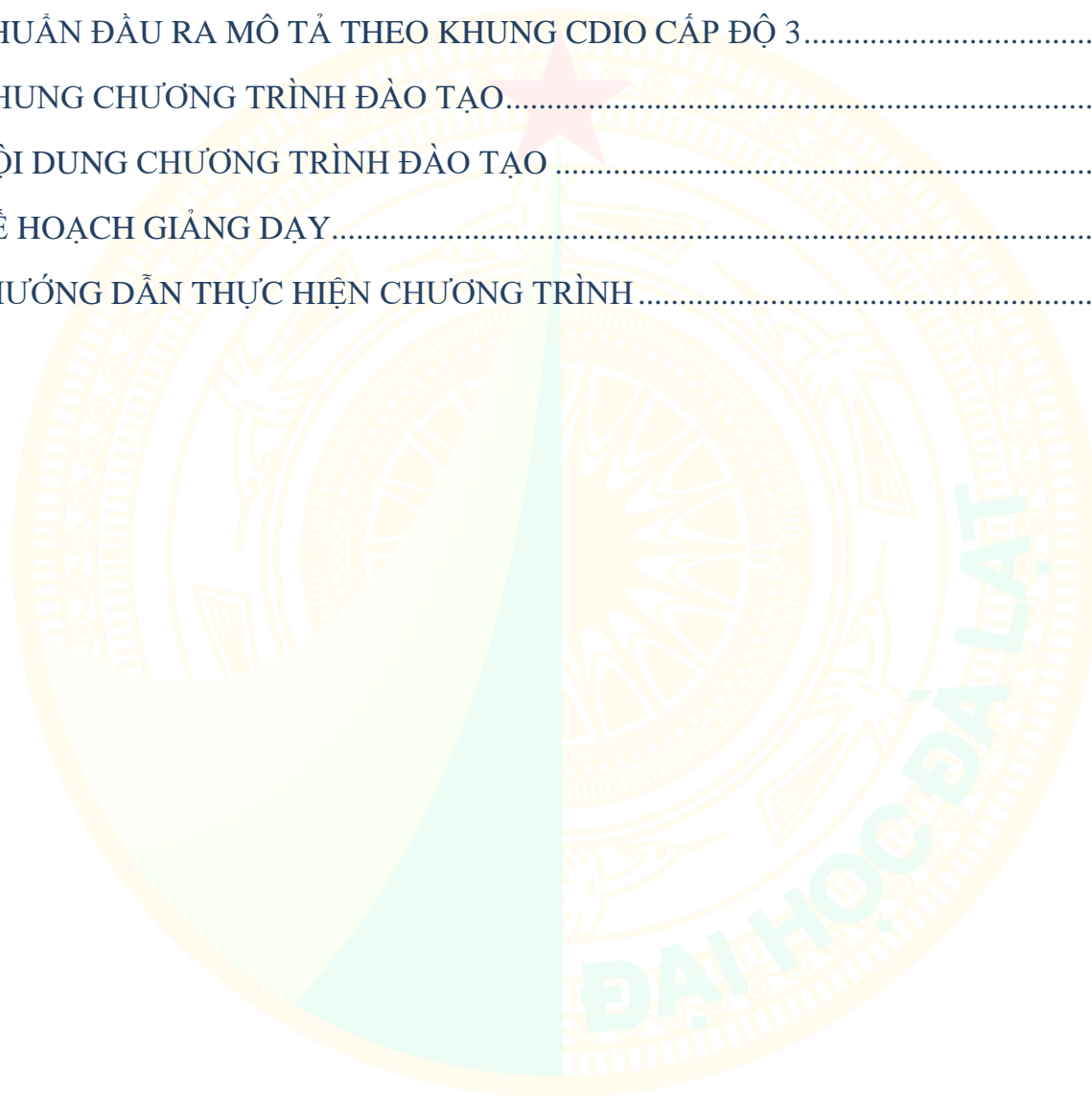
**DANH SÁCH 33 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ  
ÁP DỤNG CHUẨN ĐẦU RA CDIO**

*(Kèm theo Quyết định số: ..../QĐ-ĐHDL ngày ..../..../2019)*

TT	Ký hiệu Trường	Ngành tuyển sinh/ Website	Mã ngành
1	TDL	Toán học	7460101
2	TDL	Sư phạm Toán học	7140209
3	TDL	Sư phạm Tin học	7140210
4	TDL	Giáo dục tiểu học	7140202
5	TDL	Công nghệ Thông tin	7480201
6	TDL	Vật lý học	7440102
7	TDL	Sư phạm Vật lý	7140211
8	TDL	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302
9	TDL	Kỹ thuật hạt nhân	7520402
10	TDL	Hóa học	7440112
11	TDL	Sư phạm Hóa học	7140212
12	TDL	Sinh học	7420101
13	TDL	Sư phạm Sinh học	7140213
14	TDL	Khoa học Môi trường	7440301
15	TDL	Nông học	7620109
16	TDL	Công nghệ Sinh học	7420201
17	TDL	Công nghệ Sau thu hoạch	7540104
18	TDL	Quản trị Kinh doanh	7340101
19	TDL	Kế toán	7340301
20	TDL	Luật	7380101
21	TDL	Xã hội học	7310301
22	TDL	Văn hoá học	7229040
23	TDL	Văn học	7229030
24	TDL	Sư phạm Ngữ văn	7140217
25	TDL	Lịch sử	7229010
26	TDL	Sư phạm Lịch sử	7140218
27	TDL	Việt Nam học	7310630
28	TDL	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103
29	TDL	Công tác xã hội	7760101
30	TDL	Đông phương học	7310608
31	TDL	Quốc tế học	7310601
32	TDL	Ngôn ngữ Anh	7220201
33	TDL	Sư phạm Tiếng Anh	7140231

## MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....	2
2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH .....	3
3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, THANG ĐIỂM VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP .....	3
4. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO NĂNG LỰC.....	3
5. ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA VỚI MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....	4
6. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO KHUNG CDIO CẤP ĐỘ 3.....	6
7. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	13
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	13
9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY.....	20
10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	29



**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC  
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

**Ngành đào tạo: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH  
(Tourism and Travel Management)**

**Trình độ đào tạo: Đại học (Cử nhân)**

**Loại hình đào tạo: Chính quy**

**Mã ngành đào tạo: 7810103**

**Thời gian đào tạo: 4 năm**

**Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ**

**1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

**Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được xây dựng dựa trên đánh giá nhu cầu thực tế của xã hội về nguồn nhân lực trong ngành du lịch và bối cảnh tăng cường toàn cầu hóa và liên kết kinh tế khu vực. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có phẩm chất chính trị tư tưởng tốt, hiểu biết pháp luật và các qui luật hoạt động kinh tế; có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có khả năng quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh tại các doanh nghiệp du lịch cũng như tại các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực này.

**Mục tiêu cụ thể**

Sinh viên tốt nghiệp từ ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có thể:

- **M01:** Nắm bắt và vận dụng các kiến thức về tự nhiên, xã hội nói chung và các kiến thức về quản lý kinh tế du lịch để làm việc trong các cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch ở các địa phương.
- **M02:** Làm việc trong các cơ sở đào tạo về du lịch (đại học, cao đẳng, trung cấp) và trong các viện, các trung tâm nghiên cứu về du lịch. Học cao hơn (ở trong và ngoài nước) để lấy bằng thạc sĩ, tiến sĩ.
- **M03:** Làm việc trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch (cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng, khu điểm du lịch, các đại lý du lịch, ...) với vai trò là nhà quản lý (quản lý chung, quản lý các bộ phận kinh doanh, ...) hoặc làm nhân viên ở các bộ phận khác nhau (nhân sự, kinh doanh, marketing, bộ phận tiền sảnh, hướng dẫn viên, điều hành tour, ...).

- **M04:** Thành lập và điều hành các doanh nghiệp tư nhân kinh doanh các hoạt động du lịch (kinh doanh lưu trú, ăn uống, lễ hành và vận chuyển, vui chơi giải trí, sự kiện).

- **M05:** Làm việc ở các cơ quan hay doanh nghiệp ngoài ngành du lịch tại các bộ phận lễ tân, tổ chức sự kiện, chăm sóc khách hàng.

### **Cơ hội việc làm**

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có cơ hội làm việc trong các cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch ở các địa phương; làm việc trong các cơ sở đào tạo về du lịch và trong các viện, các trung tâm nghiên cứu về du lịch; làm việc trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch với vai trò nhà quản lý hay nhân viên ở các bộ phận khác nhau như nhân sự, kinh doanh, marketing, bộ phận tiền sảnh, hướng dẫn viên, điều hành tour. Ngoài ra sinh viên cũng có thể làm việc ở các cơ quan hay doanh nghiệp ngoài ngành du lịch tại các bộ phận lễ tân, tổ chức sự kiện, chăm sóc khách hàng.

## **2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

Thực hiện theo qui chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của trường Đại học Đà Lạt.

## **3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, THANG ĐIỂM VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

Thực hiện theo qui chế đào tạo đại học, cao đẳng theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT: Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 15 tháng 05 năm 2014.

## **4. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO NĂNG LỰC**

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành bao gồm 10 chuẩn đầu ra trong đó 2 chuẩn đầu ra đầu tiên ứng với giáo dục đại cương và 8 chuẩn đầu ra còn lại ứng với giáo dục chuyên nghiệp.

Một cách tổng quát, sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành sẽ thể hiện được các năng lực mô tả trong các chuẩn đầu ra sau đây:

### **Chuẩn đầu ra giáo dục đại cương**

- **C01:** Đánh giá được các yếu tố tác động đến sự phát triển du lịch và trên cơ sở đó có thể tham mưu cho các cấp chính quyền trong việc đề ra đường lối và chính sách phát triển du lịch của địa phương (chính sách phát triển sản phẩm, chính sách xúc tiến quảng bá, chính sách hợp tác, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch).



- **C02:** Nắm bắt được các chính sách, định chế và các qui định về quản lý hoạt động kinh doanh du lịch của Nhà nước nói chung và ở các địa phương nói riêng, để thực hiện công tác thanh tra hoạt động kinh doanh du lịch ở địa phương.

### **Chuẩn đầu ra giáo dục chuyên nghiệp**

- **C03:** Giảng dạy, đào tạo và huấn luyện nguồn nhân lực trong ngành du lịch ở các bậc khác nhau. Đồng thời có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học và tư vấn về phát triển du lịch ở các cấp, các ngành.

- **C04:** Nắm bắt, vận dụng các kiến thức lý thuyết vào công việc nghiệp vụ du lịch, biết xử lý các tình huống phát sinh, đề xuất các giải pháp thực hiện công việc hiệu quả và tốt hơn.

- **C05:** Quản lý, điều phối và giám sát các hoạt động kinh doanh trong một doanh nghiệp du lịch, tổ chức hạch toán kinh doanh, thống kê và tổng hợp hoạt động kinh doanh và tham mưu cho lãnh đạo về các phương án kinh doanh.

- **C06:** Sử dụng thành thạo một ngoại ngữ chính (tiếng Anh, từ trình độ tương đương bậc 3/6 trở lên) và một ngoại ngữ khác ở trình độ từ bậc 2/6 trở lên.

- **C07:** Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng, các phần mềm tin học chuyên dụng khác trong lĩnh vực nghề nghiệp kinh doanh du lịch.

- **C08:** Hiểu biết tâm lý, phong tục tập quán, đặc trưng văn hóa của các nhóm du khách từ các vùng miền và dân tộc khác nhau để nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử với du khách.

- **C09:** Có các kỹ năng phục vụ và chăm sóc khách hàng tốt. Có hiểu biết, nắm bắt sâu và có kỹ năng thuyết trình, thuyết minh và giới thiệu về các sản phẩm du lịch và về các khu điểm du lịch trước đám đông du khách.

- **C10:** Có kỹ năng lãnh đạo, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Có phẩm chất năng động, cầu tiến, tự tin trong công việc và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý du lịch.

### **5. ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA VỚI MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Mục tiêu đào tạo</b>				
	<b>GD đại cương</b>	<b>GD chuyên nghiệp</b>			
	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>Chuẩn đầu ra GD đại cương</b>					

1	Đánh giá được các yếu tố tác động đến sự phát triển du lịch và trên cơ sở đó có thể tham mưu cho các cấp chính quyền trong việc đề ra đường lối và chính sách phát triển du lịch của địa phương (chính sách phát triển sản phẩm, chính sách xúc tiến quảng bá, chính sách hợp tác, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch).	X				
2	Nắm bắt được các chính sách, định chế và các qui định về quản lý hoạt động kinh doanh du lịch của Nhà nước nói chung và ở các địa phương nói riêng, để thực hiện công tác thanh tra hoạt động kinh doanh du lịch ở địa phương.	X				
<b>Chuẩn đầu ra GD chuyên nghiệp</b>						
3	Giảng dạy, đào tạo và huấn luyện nguồn nhân lực trong ngành du lịch ở các bậc khác nhau. Đồng thời có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học và tư vấn về phát triển du lịch ở các cấp, các ngành.	X	X			
4	Nắm bắt, vận dụng các kiến thức lý thuyết vào công việc nghiệp vụ du lịch, biết xử lý các tình huống phát sinh, đề xuất các giải pháp thực hiện công việc hiệu quả và tốt hơn.		X	X	X	
5	Quản lý, điều phối và giám sát các hoạt động kinh doanh trong một doanh nghiệp du lịch, tổ chức hạch toán kinh doanh, thống kê và tổng hợp hoạt động kinh doanh và tham mưu cho lãnh đạo về các phương án kinh doanh.			X	X	
6	Sử dụng thành thạo một ngoại ngữ chính (tiếng Anh) ở trình độ tương đương bậc B2 và một ngoại ngữ khác ở trình độ tương đương bậc B1.		X	X	X	X
7	Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng, các phần mềm tin học chuyên dụng khác trong lĩnh vực nghề nghiệp kinh doanh du lịch.			X	X	X

8	Hiểu biết tâm lý, phong tục tập quán, đặc trưng văn hóa của các nhóm du khách từ các vùng miền và dân tộc khác nhau để nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử với du khách.			X	X	X
9	Có các kỹ năng phục vụ và chăm sóc khách hàng tốt. Có hiểu biết, nắm bắt sâu và có kỹ năng thuyết trình, thuyết minh và giới thiệu về các sản phẩm du lịch và về các khu điểm du lịch trước đám đông du khách.			X	X	X
10	Có kỹ năng lãnh đạo, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Có phẩm chất năng động, cầu tiến, tự tin trong công việc và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý du lịch.	X		X	X	

## 6. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO KHUNG CDIO CẤP ĐỘ 3

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được phân thành 4 nhóm bao gồm:

- Kiến thức và lập luận ngành.
- Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân.
- Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp.
- Năng lực thực hành chuyên môn/ngành nghiệp hoặc Năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn mang lại lợi ích cho xã hội.

Một cách tổng quát, sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sẽ thể hiện được các năng lực mô tả trong các chuẩn đầu ra ứng với 4 nhóm trên như sau:

### 1. Kiến thức và lập luận ngành

#### 1.1 Kiến thức giáo dục đại cương

1.1.1 Hiểu biết về những nguyên lý chủ nghĩa Mác Lênin, đường lối cách mạng của Đảng CS Việt nam, tư tưởng Hồ Chí Minh để góp phần hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức cá nhân nhằm đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội.

1.1.2 Hiểu biết và áp dụng các kiến thức về an ninh, quốc phòng và giáo dục thể chất để biết cách rèn luyện, phát triển sức khỏe thể chất, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước.

1.1.3 Nắm vững các kiến thức cơ bản về ngữ pháp, có khả năng đọc hiểu, viết và giao tiếp thông dụng bằng tiếng Anh (tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên).

1.1.4 Hiểu biết và ứng dụng kiến thức tin học để soạn thảo văn bản, sử dụng các phần mềm thông dụng như MS Word, MS Excel, MS Powerpoint, SPSS, quản lý dữ liệu và tìm kiếm tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu trong du lịch.

1.1.5 Hiểu biết kiến thức cơ bản về kinh tế học bao gồm kinh tế học vĩ mô và vi mô, nhằm đánh giá bản chất nền kinh tế quốc dân, giải quyết được các bài toán lựa chọn tối ưu của cá nhân người tiêu dùng và nhà sản xuất.

1.1.6 Nắm bắt được các kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị và sự vận dụng các mô hình quản trị trong thực tiễn doanh nghiệp.

1.1.7 Hiểu biết kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam, mối quan hệ giữa các thành tố cũng như quy luật, xu thế phát triển văn hóa Việt nam.

1.1.8 Hiểu được các vấn đề cơ bản về nguồn gốc ra đời của nhà nước và pháp luật. Nắm bắt được những quy định cơ bản về các ngành luật của Việt Nam nhằm hỗ trợ cho việc tiếp thu kiến thức chuyên môn trong giai đoạn giáo dục chuyên nghiệp.

1.1.9 Hiểu biết cơ bản về môi trường, sự tương tác giữa môi trường và phát triển, mối quan hệ tác động qua lại giữa môi trường và con người nhằm hướng đến nhận thức bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững.

1.1.10 Hiểu biết cơ bản về tổ chức hệ thống kế toán trong doanh nghiệp, biết cách quản lý các công việc hành chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức.

1.1.11 Hiểu biết về lịch sử thế giới nói chung và lịch sử Việt Nam nói riêng để tạo nền tảng kiến thức cho việc nghiên cứu kiến thức chuyên ngành du lịch.

1.1.12 Có kiến thức cơ bản về sự phát triển kinh tế, đặc điểm văn hóa của xã hội loài người qua các giai đoạn lịch sử.

1.1.13 Hiểu biết cơ bản về khoa học xã hội, qua đó có thể phân tích và lý giải những hiện tượng, vấn đề xã hội và hành vi của con người.

## **1.2 Kiến thức cơ sở ngành**

1.2.1 Hiểu và ứng dụng kiến thức chung về du lịch để giải quyết các vấn đề về ngành du lịch như khái niệm du lịch, khách du lịch, lịch sử phát triển ngành, các hoạt động kinh doanh du lịch, loại hình và các sản phẩm du lịch, đồng thời giải quyết được các vấn đề về quản lý ngành du lịch.

1.2.2 Nắm bắt và áp dụng các kiến thức kinh tế du lịch nhằm giải quyết các vấn đề kinh doanh du lịch trong nền kinh tế thị trường như kinh doanh lưu trú và kinh doanh lữ hành, lập kế hoạch kinh doanh, kinh doanh du lịch điện tử, các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của ngành.

1.2.3 Hiểu biết chung về các khái niệm cơ bản của hoạt động marketing du lịch, làm cơ sở để giải quyết các vấn đề về ứng dụng như phân tích môi trường kinh doanh, nghiên cứu thị trường và các chính sách marketing của doanh nghiệp.

1.2.4 Có kiến thức về văn hóa du lịch để giải quyết các vấn đề như khai thác văn hóa Việt Nam phục vụ cho phát triển du lịch, bảo tồn văn hóa trong phát triển ngành du lịch và giao lưu văn hóa thế giới.

1.2.5 Có kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch để biết cách thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học như xác định vấn đề, chọn mẫu, quy mô, phạm vi, đối tượng, cách xác định phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu.

1.2.6 Hiểu và áp dụng kiến thức địa lý du lịch để giải quyết các vấn đề về các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch theo vùng, lãnh thổ trong du lịch, tiềm năng phát triển du lịch. Nghiên cứu các đặc điểm đặc trưng của vùng phục vụ cho phát triển du lịch.

1.2.7 Hiểu và áp dụng các kiến thức thống kê du lịch vào việc giải quyết vấn đề về thống kê cơ bản và thống kê du lịch. Giải quyết được các vấn đề về thống kê trong doanh nghiệp du lịch và thống kê ngành du lịch, có khả năng dự báo và phân tích số liệu thống kê.

1.2.8 Hiểu và ứng dụng các kiến thức quy hoạch du lịch vào giải quyết được các vấn đề tầm quan trọng của công tác quy hoạch du lịch, các phương pháp quy hoạch ngành du lịch dựa trên tài nguyên du lịch, đánh giá quy hoạch.

1.2.9 Hiểu và ứng dụng các kiến thức quản trị nhân sự trong du lịch để giải quyết được các nội dung cơ bản trong công tác quản trị nhân sự trong một doanh nghiệp du lịch như mô tả, phân tích công việc, phân tích môi trường, hoạch định nhân sự, tuyển mộ, tuyển chọn, đào tạo phát triển nhân sự, đánh giá nhân sự.

1.2.10 Nắm bắt đặc điểm về tâm lý của các loại khách du lịch, biết các kỹ năng giao tiếp và kỹ năng ứng xử thông thường. Từ đó vận dụng trong hoạt động cung cấp dịch vụ trong kinh doanh du lịch.

### **1.3 Kiến thức ngành**

#### ***Phần kiến thức bắt buộc***

1.3.1 Có kiến thức ngoại ngữ về chuyên ngành du lịch để đáp ứng yêu cầu làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Sinh viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong những tình huống công việc cụ thể, như phục vụ khách tại các cơ sở lưu trú, hướng dẫn du khách tại các điểm du lịch.

1.3.2 Hiểu biết về yêu cầu, vai trò và trách nhiệm của một người hướng dẫn viên du lịch. Có khả năng thực hiện các hoạt động tác nghiệp của người hướng dẫn viên theo chương trình du lịch.

1.3.3 Hiểu được và hệ thống hóa lý thuyết về các vấn đề cơ bản của kinh doanh lữ hành. Xây dựng được chương trình du lịch trọn gói, đảm bảo chất lượng đồng thời quản lý thông tin của một chương trình du lịch.

1.3.4 Có kiến thức về hệ thống các tuyến, điểm du lịch nhằm ứng dụng cho việc thiết kế các tuyến du lịch.

1.3.5 Có kiến thức hệ thống về du lịch sinh thái, mối quan hệ giữa du lịch sinh thái với các loại hình du lịch khác và phát triển bền vững. Trên cơ sở đó hình thành ý thức phát triển các loại hình du lịch theo hướng bền vững.

1.3.6 Có kiến thức về tỷ giá và thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán quốc tế, các nghiệp vụ tín dụng và các phương thức thanh toán chủ yếu. Hiểu rõ và thực hiện nghiệp vụ thanh toán trong các giao dịch xuất nhập khẩu.

1.3.7 Hiểu biết các vấn đề pháp lý liên quan đến du lịch, các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh du lịch.

1.3.8 Hiểu biết tổng quan về ngành kinh doanh lưu trú. Nắm bắt được các chức năng quản trị kinh doanh lưu trú và áp dụng để tổ chức và thực hiện các hoạt động quản trị lưu trú trong thực tiễn.

1.3.9 Hiểu biết tổng quan về ngành kinh doanh nhà hàng. Có kiến thức về tổ chức kinh doanh ăn uống trong nhà hàng độc lập và trong nhà hàng thuộc khách sạn, từ đó áp dụng để quản lý việc kinh doanh nhà hàng trong thực tiễn.

1.3.10 Có kiến thức tổng quan về bộ phận tiền sảnh và nghiệp vụ lễ tân trong hoạt động kinh doanh các cơ sở lưu trú. Biết các kỹ năng để thực hiện các quy trình nghiệp vụ cung cấp dịch vụ lễ tân.

1.3.11 Hiểu biết những nội dung cơ bản về bán hàng và bán hàng trong du lịch. Biết các kỹ năng cần thiết trong bán hàng và chăm sóc khách hàng đồng thời xây dựng văn hóa dịch vụ khách hàng trong doanh nghiệp.

#### **1.4 Kiến thức bổ trợ**

1.4.1 Hiểu và vận dụng được các điều kiện cơ sở giao hàng theo tập quán thương mại thế giới trong hoạt động kinh doanh ngoại thương. Biết cách soạn thảo hợp đồng và có kỹ năng thực hiện các hợp đồng ngoại thương đúng quy trình.

1.4.2 Có hiểu biết về lễ tân ngoại giao, nắm được và vận dụng các nguyên tắc và nghi lễ ngoại giao trong công tác tổ chức sự kiện, thăm viếng và đón tiếp phái đoàn ngoại giao.

1.4.3 Có kiến thức về dịch vụ bảo hiểm, bảo hiểm du lịch trên thế giới và ở Việt Nam. Hiểu biết về hợp đồng, trình tự giải quyết khiếu nại và nhận bồi thường bảo hiểm của các loại hình bảo hiểm du lịch tại Việt Nam

1.4.4 Hiểu biết về phương pháp luận trong công tác lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực du lịch. Trên cơ sở đó áp dụng vào việc tổ chức soạn thảo dự án, quản trị

các yếu tố như thời gian, phạm vi, chi phí, chất lượng, nhân lực, thông tin, rủi ro, các mối quan hệ và các văn bản nhà nước liên quan đến lĩnh vực đầu tư phát triển du lịch.

1.4.5 Có hiểu biết về một số loại hình du lịch cụ thể như du lịch MICE, du lịch cộng đồng, để áp dụng trong việc tổ chức kinh doanh có hiệu quả đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững đối với các loại hình du lịch này.

1.4.6 Có kiến thức tổng quan về tổ chức sự kiện để áp dụng cho việc lập kế hoạch và tổ chức sự kiện trong các lĩnh vực.

1.4.7 Có kiến thức nền tảng về nghệ thuật tạo động lực và lãnh đạo. Nắm bắt được các kỹ năng lãnh đạo trong môi trường quốc tế và đa văn hóa cùng với các kỹ năng giao tiếp, giải quyết xung đột và kỹ năng quản trị chất xám.

1.4.8 Có kiến thức lý luận cơ bản về du lịch di sản, di sản văn hóa, công ước quốc tế và luật di sản về bảo tồn. Có sự hiểu biết về các di sản văn hóa thế giới tại Việt Nam, các di tích – di sản văn hóa nổi bật của vùng văn hóa, góp phần vào việc bảo tồn các giá trị di sản văn hóa thông qua loại hình du lịch di sản.

1.4.9 Hiểu biết về điểm đến và quản lý điểm đến. Trên cơ sở đó đánh giá được thực trạng điểm đến du lịch đồng thời xây dựng mục tiêu chiến lược, định vị thương hiệu và phương thức marketing điểm đến.

1.4.10 Có sự hiểu biết về vai trò, vị thế và ứng dụng của du lịch điện tử trong thời kỳ mới. Có khả năng thực hành các thao tác cơ bản về Emarketing trong du lịch, cụ thể trong các lĩnh vực như kinh doanh lưu trú – ăn uống, điều hành tour, quản lý điểm đến.

1.4.11 Có kiến thức, thông tin thực tế về thực trạng và định hướng phát triển du lịch của tỉnh Lâm Đồng đồng thời đánh giá được các tiềm năng và điều kiện phát triển của ngành du lịch địa phương.

## **2. Các kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân**

### **2.1 Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề**

2.1.1 Xác định và hình thành vấn đề

2.1.2 Mô hình hóa và phân tích

2.1.3 Suy luận & giải quyết

2.1.4 Đánh giá và đề xuất giải pháp

### **2.2 Thực nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức**

2.2.1 Hình thành giả thuyết

2.2.2 Khảo sát qua tài liệu (dạng văn bản và tài liệu điện tử)

2.2.3 Nghiên cứu dựa trên thực nghiệm

2.2.4 Kiểm tra và bảo vệ giả thuyết

### **2.3 Tư duy hệ thống**

2.3.1 Tư duy toàn cục

2.3.2 Sự tương tác giữa các thành phần trong hệ thống

2.3.3 Xác định ưu tiên và tập trung

2.3.4 Đánh giá hệ thống

## **2.4 Thái độ và học tập**

2.4.1 Sáng kiến, sẵn sàng ra quyết định và chấp nhận rủi ro

2.4.2 Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt

2.4.3 Tư duy sáng tạo

2.4.4 Tư duy phản biện

2.4.5 Tự nhận thức, nhận thức về kiến thức và tích hợp kiến thức

2.4.6 Học tập và rèn luyện suốt đời

2.4.7 Quản lý thời gian và nguồn lực

## **2.5 Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác**

2.5.1 Đạo đức, trung thực, liêm chính và trách nhiệm xã hội, môi trường, kinh

tế

2.5.2 Hành xử chuyên nghiệp

2.5.3 Chủ động cho tương lai và dự kiến cho cuộc đời

2.5.4 Cập nhật trong lĩnh vực chuyên môn/nghề nghiệp

2.5.5 Công bằng và đa dạng

2.5.6 Tin tưởng và trung thành

## **2.6 Phẩm chất cá nhân**

2.6.1 Độc lập

2.6.2 Tự tin trong môi trường nghề nghiệp

2.6.3 Sẵn sàng ra quyết định

2.6.4 Cách nghĩ sáng tạo

2.6.5 Cách nghĩ mang tính phản biện

2.6.6 Thích nghi vào môi trường mới

2.6.7 Quản lý tài nguyên cá nhân (thời gian, tiền bạc...)

## **3. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp**

### **3.1 Kỹ năng làm việc nhóm**

3.1.1 Hình thành nhóm

3.1.2 Hoạt động nhóm

3.1.3 Sự dung hòa tính cách cá nhân, tinh thần đồng đội

3.1.4 Phát triển nhóm

3.1.5 Lãnh đạo nhóm

3.1.6 Làm việc trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành

### **3.2 Giao tiếp**

3.2.1 Các phương thức giao tiếp



3.2.2 Cấu trúc giao tiếp, ngôn ngữ cơ thể và tạo ấn tượng giao tiếp

3.2.3 Giao tiếp bằng văn bản

3.2.4 Giao tiếp điện tử/đa phương tiện

3.2.5 Giao tiếp đa văn hóa

3.2.6 Kỹ năng thuyết trình

3.2.7 Kỹ năng đặt câu hỏi, lắng nghe và đối thoại

3.2.8 Kỹ năng giải quyết tình huống

3.2.9 Thiết lập các liên kết và mạng đa dạng

3.2.10 Duy trì và phát triển các mối quan hệ

### **3.3 Giao tiếp bằng ngoại ngữ**

3.3.1 Giao tiếp bằng tiếng Anh: nghe, nói, đọc, viết

3.3.2 Sử dụng các thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành thành thạo

## **4. Năng lực thực hành chuyên môn/ngành nghề nghiệp hoặc Năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn mang lại lợi ích cho xã hội**

### **4.1 Môi trường kinh doanh**

4.1.1 Vai trò và trách nhiệm đối với xã hội

4.1.2 Các yếu tố môi trường kinh doanh

4.1.3 Tác động của ngành nghề du lịch đối với xã hội

4.1.4 Quan điểm phát triển du lịch toàn cầu

### **4.2 Bối cảnh kinh doanh nghề nghiệp**

4.2.1 Văn hóa doanh nghiệp

4.2.2 Chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh

4.2.3 Quan điểm khởi nghiệp

4.2.4 Khả năng thích ứng trong môi trường làm việc khác nhau

### **4.3 Hình thành ý tưởng kinh doanh và quản trị**

4.3.1 Thiết lập những mục tiêu và yêu cầu kinh doanh

4.3.2 Xác định chức năng, các khái niệm cần có, và cấu trúc của hệ thống kinh doanh/ quản trị

4.3.3 Mô hình hóa các ý tưởng và phát triển hệ thống

4.3.4 Phân tích khả thi: rủi ro, chi phí/lợi ích, nguồn lực

### **4.4 Lập kế hoạch/dự án kinh doanh và thiết kế hệ thống quản trị**

4.4.1 Quá trình lập kế hoạch/dự án

4.4.2 Cách tiếp cận để lập kế hoạch/dự án (phương pháp luận, các bước thực hiện...)

4.4.3 Vận dụng tri thức trong thiết kế, lập kế hoạch

4.4.4 Thiết kế đa mục tiêu

4.4.5 Đào tạo/huấn luyện để thực thi kế hoạch

4.4.6 Điều phối các nguồn lực khi triển khai

4.4.7 Đánh giá và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh

## 7. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được thiết kế với khối lượng toàn khóa là 131 tín chỉ (không tính số tín chỉ của các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Cấu trúc các khối kiến thức cấu tạo nên chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và khối lượng tín chỉ được phân bổ cho các khối kiến thức như sau:

Các khối kiến thức		Số tín chỉ		
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
<b>A - Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>35</b>	<b>23</b>	<b>12</b>
A1	Lý luận chính trị	11	11	0
A2	Giáo dục thể chất	(3)	(3)	(0)
A3	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(8.5)	(8.5)	(0)
A4	KHTN & KHXHNV	24	12	12
<b>B - Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>96</b>	<b>64</b>	<b>32</b>
B1	Kiến thức cơ sở	36	36	0
B2	Kiến thức ngành	42	28	14
B3	Kiến thức bổ trợ	18	0	18
<b>Tổng cộng</b>		<b>131</b>	<b>87</b>	<b>44</b>

## 8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 8.1 Kiến thức giáo dục đại cương (34 tín chỉ)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
-----	-------	--------------	------------

			<b>Tổng</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>
	<b>Phần kiến thức bắt buộc</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>0</b>
	<b>A1</b>	<b>Lý luận chính trị</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>0</b>
1	LC1101	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
2	LC1102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
3	LC2101	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	2	2	0
4	LC2102	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	LC3101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
	<b>A2</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>(3)</b>	<b>(3)</b>	<b>(3)</b>
5	TC1001	Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	(1)	(0)	(1)
6	TC1002	Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)	(1)	(0)	(1)
7	TC2003	Giáo dục thể chất 3 (Physical Education 3)	(1)	(0)	(1)
	<b>A3</b>	<b>Giáo dục quốc phòng và an ninh</b>	<b>(8.5)</b>	<b>(6)</b>	<b>(2.5)</b>
8	QP2101	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 (National Defense and Security Education 1)	(3)	(3)	(0)
9	QP2102	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 (National Defense and Security Education 2)	(2)	(2)	(0)
10	QP2103	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3 (National Defense and Security Education 3)	(2)	(1.5)	(0.5)
11	QP2104	Giáo dục quốc phòng và an ninh 4 (National Defense and Security Education 4)	(2)	(0)	(2)

	<b>A4</b>	<b>KHTN &amp; KHSHNV</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>
12	QT2011	Kinh tế học đại cương (General Economics)	3	3	0
13	VH1103	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0
14	QT1103	Quản trị học	3	3	0
15	LH1001	Pháp luật đại cương (General Laws)	3	3	0
<b>Phần kiến thức tự chọn</b>			<b>12/24</b>	<b>12/24</b>	<b>0</b>
<i>Chọn ít nhất 12 tín chỉ trong danh sách sau:</i>					
	<b>A4</b>	<b>KHTN &amp; KHSHNV</b>	<b>12/24</b>	<b>12/24</b>	<b>0</b>
16	MT1003	Môi trường và phát triển	3	3	0
17	QT2106	Nguyên lý kế toán	3	3	0
18	LS1101	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	0
19	QT1002	Quản trị hành chính văn phòng	3	3	0
20	XH2101	Xã hội học đại cương	3	3	0
21	LS2002	Nhân học đại cương	3	3	0
22	VH2107	Văn hóa Đông Nam Á	3	3	0
23	LS1001	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	3	0

## 8.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (96 tín chỉ)

### Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (96 tín chỉ)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<b>Phần kiến thức bắt buộc</b>			<b>64</b>	<b>41</b>	<b>23</b>

	<b>B1</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>	<b>36</b>	<b>27</b>	<b>9</b>
1	DL1101	Tổng quan du lịch Introduction to tourism	3	3	0
2	DL1102	Kinh tế du lịch The economics of tourism	3	3	0
3	DL1103	Marketing du lịch Tourism marketing	3	3	0
4	DL1104	Thực tập thực tế 1 Field Practice 2	2	0	2
5	DL2104	Địa lý du lịch Tourism geography	3	3	0
6	DL2105	Thống kê du lịch Tourism statistics	3	2	1
7	DL2106	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch Research methodology in tourism	3	2	1
8	DL2107	Văn hóa du lịch Culture and tourism	3	3	0
9	DL2202	Thực tập thực tế 2 Field Practice 2	4	0	4
10	DL3108	Quản trị nhân sự trong du lịch Human resources management in tourism	3	2	1
11	DL3109	Quy hoạch du lịch Planning and developing of tourism	3	3	0
12	DL3110	Tâm lý du khách và giao tiếp trong du lịch Consumer behavior and communication in tourism	3	3	0

	<b>B2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>28</b>	14	14
		<i>Chuyên ngành Quản trị lữ hành</i>	<b>28</b>	<b>14</b>	<b>14</b>
13	DL2201	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1 English for tourism 1	3	2	1
14	DL3202	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2 English for tourism 2	3	2	1
15	DL3203	Nghiệp vụ hướng dẫn Tour guide professional	4	2	2
16	DL4204	Quản trị lữ hành Tour operations management	4	2	2
17	DL3205	Thanh toán quốc tế trong du lịch International payment in tourism	3	2	1
18	DL4206	Du lịch sinh thái và phát triển bền vững Ecotourism and sustainable development	3	2	1
19	DL4207	Tuyến điểm du lịch Routes and destination for tours	4	2	2
20	DL3508	Thực tập nghề nghiệp Internship	4	0	4
		<i>Chuyên ngành Quản trị khách sạn – nhà hàng</i>	<b>28</b>	<b>14</b>	<b>14</b>
13	DL2201	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1 English for tourism 1	3	2	1
14	DL3202	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2 English for tourism 2	3	2	1
15	DL3209	Quản trị tiền sảnh và nghiệp vụ lễ tân Front office management	4	2	2

16	DL4210	Quản trị khách sạn và lưu trú Hotel and lodging management	4	2	2
17	DL4211	Quản trị nhà hàng Restaurant management	4	2	2
18	DL4212	Bán hàng và chăm sóc khách hàng Sales and customer service	3	2	1
19	DL3205	Thanh toán quốc tế trong du lịch International payment in tourism	3	2	1
20	DL3508	Thực tập nghề nghiệp Internship	4	0	4
<b>Phần kiến thức tự chọn</b>			<b>31</b>		
	<b>B2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>14/30</b>		
		<i>Chuyên ngành Quản trị lữ hành</i>	<i>14/30</i>		
		<i>Chọn ít nhất 14 tín chỉ trong danh sách sau</i>	<i>14/30</i>		
21	LH1301	Pháp luật du lịch Tourism law	3	3	0
22	DL3209	Quản trị tiền sảnh và nghiệp vụ lễ tân Front office management	4	2	2
23	DL4210	Quản trị khách sạn và lưu trú Hotel and lodging management	4	2	2
24	DL4211	Quản trị nhà hàng Restaurant management	4	2	2
25	DL4212	Bán hàng và chăm sóc khách hàng Sales and customer service	3	2	1

26	DL4613	Chuyên đề tốt nghiệp Graduate essay	5	0	5
27	DL4614	Khóa luận tốt nghiệp Graduate thesis	7	0	7
		<b>Chuyên ngành Quản trị khách sạn – nhà hàng</b>	<b>14/30</b>		
		<b>Chọn ít nhất 12 tín chỉ trong danh sách sau</b>	<b>14/30</b>		
21	LH1301	Pháp luật du lịch Tourism law	3	3	0
22	DL3203	Nghiệp vụ hướng dẫn Tour guide professional	4	2	2
23	DL4204	Quản trị lữ hành Tour operations management	4	2	2
24	DL4206	Du lịch sinh thái và phát triển bền vững Ecotourism and sustainable development	3	2	1
25	DL4207	Tuyến điểm du lịch Routes and destination for tours	4	2	2
26	DL4613	Chuyên đề tốt nghiệp Graduate essay	5	0	5
27	DL4614	Khóa luận tốt nghiệp Graduate thesis	7	0	7
	<b>B3</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>	<b>18/29</b>		
		<b>Chọn ít nhất 18 tín chỉ trong danh sách sau</b>	<b>18/29</b>		
28	DL2301	Lễ tân ngoại giao Diplomatic reception	3	2	1



29	DL2302	Du lịch MICE MICE tourism	2	2	0
30	DL3303	Du lịch điện tử E-tourism	3	3	0
31	DL3304	Du lịch cộng đồng Community based tourism	3	2	1
32	DL3305	Quản trị dự án du lịch Tourism project management	3	2	1
33	DL3306	Nghiệp vụ ngoại thương Foreign trade practices	3	3	0
34	DL3307	Bảo hiểm du lịch Insuarance in tourism	2	2	0
35	DL4309	Quản trị điểm đến Destination management	3	2	1
36	DL4310	Tổ chức sự kiện Events management	3	2	1
37	DL4311	Nghệ thuật lãnh đạo Leadership and motivation	2	2	0
38	DL4312	Du lịch di sản Heritage tourism	2	2	0

## 9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

### 9.1 Sự phối hợp giữa giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp

HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
Giáo dục đại cương							

Giáo dục chuyên nghiệp							
					Thực tập nghề nghiệp		
							Khóa luận, Chuyên đề

## 9.2 Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ

HỌC KỲ 1						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<i>Các học phần bắt buộc</i>			<b>14</b>	<b>14</b>	<b>(1)</b>	
1	TC1001	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)	
2	LC1101	Triết học Mác-Lênin	3	3	0	
3	LH1001	Pháp luật đại cương	3	3	0	
4	DL1101	Tổng quan du lịch Introduction to tourism	3	3	0	
5	QT2011	Kinh tế học đại cương	3	3	0	
6	QT1103	Quản trị học	3	3	0	

HỌC KỲ 2						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<i>Các học phần bắt buộc</i>			<b>14</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	
1	TC1002	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	
2	LC1102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	
3	VH1103	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	2	0	

4	DL1102	Kinh tế du lịch The economics of tourism	3	3	0	
5	DL1103	Marketing du lịch Tourism marketing	3	3	0	
6	DL1104	Thực tập thực tế 1 Field Practice 1	2	0	2	
<b>Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)</b>			<b>6/12</b>	<b>6/12</b>	<b>0/0</b>	
1	LS1001	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	3	0	
2	LS2002	Nhân học đại cương	3	3	0	
3	MT1003	Môi trường và phát triển	3	3	0	
4	QT1002	Quản trị hành chính văn phòng	3	3	0	

<b>HỌC KỲ 3</b>						
<b>STT</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>8</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	
1	QP2101	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 (National Defense and Security Education 1)	(3)	(3)	(0)	
2	QP2102	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 (National Defense and Security Education 2)	(2)	(2)	(0)	
3	QP2103	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3 (National Defense and Security Education 3)	(1.5)	(1)	(0.5)	
4	QP2104	Giáo dục quốc phòng và an ninh 4	(2)	(0)	(2)	

		(National Defense and Security Education 4)				
5	TC2003	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	
6	LC2101	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	2	2	0	
7	DL2105	Thống kê du lịch Tourism statistics	3	2	1	
8	DL2106	Phương pháp NCKH trong du lịch Research methodology in tourism	3	2	1	
<b>Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)</b>			<b>6/12</b>	<b>6/12</b>	<b>0/0</b>	
1	XH2101	Xã hội học đại cương	3	3	0	
2	VH2107	Văn hóa Đông Nam Á	3	3	0	
3	LS1101	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	0	
4	QT2106	Nguyên lý kế toán	3	3	0	

#### HỌC KỲ 4

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>15</b>	<b>11</b>	<b>4</b>	
1	LC2102	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	
2	DL2201	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	3	2	1	
3	DL2202	Thực tập thực tế 2 Field Practice 2	4	0	4	
4	DL2107	Văn hóa du lịch Culture and tourism	3	3	0	
5	DL2104	Địa lý du lịch	3	3	0	

<b>HỌC KỲ 4</b>						
<b>STT</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>	<b>Ghi chú</b>
		Tourism geography				
<b>Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)</b>			<b>6/9</b>			
1	LH1301	Pháp luật du lịch Tourism law	3	3	0	
2	DL2301	Lễ tân ngoại giao Diplomatic reception	3	2	1	
3	DL3304	Du lịch cộng đồng Community based tourism	3	2	1	

<b>HỌC KỲ 5</b>						
<b>STT</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>14</b>	<b>13</b>	<b>1</b>	
1	LC3101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
2	DL3202	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2 English for tourism 2	3	3	0	
3	DL3108	Quản trị nhân sự trong du lịch Human resources management in tourism	3	2	1	
4	DL3109	Quy hoạch du lịch Planning and developing of tourism	3	3	0	
5	DL3110	Tâm lý du khách và giao tiếp trong du lịch	3	3	0	

		Consumer behavior and communication in tourism				
<b>Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)</b>			<b>6/9</b>	<b>5/8</b>	<b>1/1</b>	
1	DL3303	Du lịch điện tử E-tourism	3	3	0	
2	DL3306	Nghiệp vụ ngoại thương Foreign trade practices	3	3	0	
3	DL3305	Quản trị dự án du lịch Tourism project management	3	2	1	

<b>HỌC KỲ 6 (Chuyên ngành Quản trị lữ hành)</b>						
<b>STT</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>11</b>	<b>4</b>	<b>7</b>	
1	DL3203	Nghiệp vụ hướng dẫn Tour guide professional	4	2	2	
2	DL3205	Thanh toán quốc tế trong du lịch International payment in tourism	3	2	1	
3	DL3508	Thực tập nghề nghiệp Internship	4	0	4	
<b>Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)</b>			<b>4/8</b>	<b>2/6</b>	<b>2/2</b>	
1	DL3209	Quản trị tiền sảnh và NV lễ tân Front office management	4	2	2	
2	DL2302	Du lịch MICE MICE Tourism	2	2	0	

3	DL3307	Bảo hiểm du lịch Insuarance in tourism	2	2	0	
---	--------	---	---	---	---	--

<b>HỌC KỲ 6 (Chuyên ngành Quản trị khách sạn - nhà hàng)</b>						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>11</b>	<b>4</b>	<b>7</b>	
1	DL3209	Quản trị tiền sảnh và NV lễ tân Front office management	4	2	2	
2	DL3205	Thanh toán quốc tế trong du lịch International payment in tourism	3	2	1	
3	DL3508	Thực tập nghề nghiệp Internship	4	0	4	
<b>Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)</b>			<b>4/8</b>	<b>2/6</b>	<b>2/2</b>	
1	DL3203	Nghiệp vụ hướng dẫn Tour guide professional	4	2	2	
2	DL2302	Du lịch MICE MICE Tourism	2	2	0	
3	DL3307	Bảo hiểm du lịch Insuarance in tourism	2	2	0	

<b>HỌC KỲ 7 (Chuyên ngành Quản trị lễ hành)</b>						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>11</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	

1	DL4204	Quản trị lữ hành Tour operations management	4	2	2	
2	DL4206	Du lịch sinh thái và PT bền vững Ecotourism and sustainable development	3	2	1	
3	DL4207	Tuyến điểm du lịch Routes and destination for tours	4	2	2	
<b>Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)</b>			<b>10/17</b>	<b>6/10</b>	<b>4/7</b>	
1	DL4210	Quản trị khách sạn và lưu trú Hotel and lodging management	4	2	2	
2	DL4211	Quản trị nhà hàng Restaurant management	4	2	2	
3	DL4212	Bán hàng & chăm sóc khách hàng Sales and customer service	3	2	1	
4	DL4309	Quản trị điểm đến Destination management	3	2	1	
5	DL4310	Tổ chức sự kiện Events management	3	2	1	

<b>HỌC KỲ 7 (Chuyên ngành Quản trị khách sạn - nhà hàng)</b>						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>11</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	
1	DL4210	Quản trị khách sạn và lưu trú Hotel and lodging management	4	2	2	
2	DL4211	Quản trị nhà hàng	4	2	2	



		Restaurant management				
3	DL4212	Bán hàng và chăm sóc khách hàng Sales and customer service	3	2	1	
<b>Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)</b>			<b>10/17</b>	<b>6/10</b>	<b>4/7</b>	
1	DL4204	Quản trị lữ hành Tour operations management	4	2	2	
2	DL4206	Du lịch sinh thái và PT bền vững Ecotourism and sustainable development	3	2	1	
3	DL4207	Tuyến điểm du lịch Routes and destination for tours	4	2	2	
4	DL4309	Quản trị điểm đến Destination management	3	2	1	
5	DL4310	Tổ chức sự kiện Events management	3	2	1	

<b>HỌC KỲ 8 (Chung cho cả 2 chuyên ngành)</b>						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)</b>			<b>7/7</b>			
1	DL4613	Chuyên đề TN (có điều kiện) Graduate essay	7/7	2/4	5/5	
2	DL4614	Khóa luận TN (có điều kiện) Graduate thesis	7/7	0	7/7	

3	DL4311	Nghệ thuật lãnh đạo Leadership and motivation	2	2	0	
4	DL4312	Du lịch di sản Heritage tourism	2	2	0	

## 10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được xây dựng dựa trên Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT: Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 15 tháng 05 năm 2014, các chương trình đào tạo ngành du lịch trong nước và quốc tế. Chương trình được thiết kế ứng với thời gian đào tạo là 4 năm và thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ.

Nội dung chương trình bao gồm phần kiến thức Giáo dục đại cương và phần kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp. Để hoàn thành chương trình này người học cần tích lũy tổng cộng cho toàn bộ chương trình không tính phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng là 131 tín chỉ, trong đó số tín chỉ dành cho các học phần bắt buộc là 86 tín chỉ và số tín chỉ dành cho các học phần tự chọn là 44 tín chỉ.

Trong phần kiến thức Giáo dục đại cương, sinh viên được học các học phần về Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng theo qui định chung của Nhà trường. Bên cạnh đó sinh viên còn được học các học phần Ngoại ngữ, Tin học, Môi trường và phát triển và một số học phần chọn lọc khác thuộc khoa học xã hội và nhân văn.

Trong phần kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp, ở phần kiến thức cơ sở sinh viên được trang bị các học phần lý luận nền tảng về Quản trị du lịch. Ở phần kiến thức ngành, sinh viên được trang bị các học phần liên quan đến chuyên ngành Quản trị lữ hành và Quản trị Khách sạn - Nhà hàng. Đối với phần tự chọn, sinh viên có thể chọn lựa những học phần mà mình quan tâm và yêu thích trong chuyên ngành để tích lũy đủ số tín chỉ. Phần kiến thức bổ trợ cung cấp cho sinh viên thêm một số học phần tự chọn để sinh viên hoàn thiện các kỹ năng chuyên môn về du lịch.

Trong quá trình học tập, bên cạnh việc học các học phần tại trường sinh viên cần phải hoàn thành thêm học phần Thực tập nghề nghiệp (tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch). Học phần này cung cấp cơ hội cho sinh viên áp dụng những gì mình đã học vào trong thực tế, qua đó góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp.

Đối với những sinh viên có học lực khá, giỏi có thể chọn học phần Khóa luận tốt nghiệp. Với học phần này, sinh viên có cơ hội thực hành nghiên cứu các đề tài

thuộc quản lý lĩnh vực lữ hành hay quản lý khách sạn – nhà hàng dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên được phân công. Thông qua việc làm Khóa luận, sinh viên phát triển được khả năng tư duy, phân tích và tổng hợp cũng như các kỹ năng nghiên cứu và giải quyết vấn đề.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được thiết kế theo phương pháp xây dựng chương trình theo chuẩn đầu ra, đồng thời theo hướng cân đối giữa lý thuyết và thực hành, chú trọng phát triển hài hòa cả ba mặt gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ. Qua đó chương trình khi được thực hiện sẽ giúp sinh viên hình thành các năng lực nghề nghiệp mà thị trường lao động yêu cầu. Chương trình cũng được biên soạn dựa trên sự tham khảo chương trình đào tạo du lịch chung của Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học.

Về điều kiện tốt nghiệp, sinh viên sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Cử nhân Quản trị du lịch sau khi tích lũy đủ 131 tín chỉ, trong đó tích lũy đầy đủ số tín chỉ cho các học phần từ các khối kiến thức Giáo dục đại cương và Giáo dục chuyên nghiệp, và có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG QLĐT**

**TRƯỞNG KHOA**